

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **24/2012/QĐ-UBND**

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao và một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung, tập huấn và thi đấu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định 32/2011/QĐ-TTg ngày 26/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2012/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa VIII kỳ họp thứ 4 quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao và một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung, tập huấn và thi đấu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao

1. Các giải thể thao cấp tỉnh và khu vực:

a) Tiền ăn làm công tác chuẩn bị và tổ chức giải, tập huấn trọng tài (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 1 ngày sau thi đấu) mức chi 100.000 đồng/người/ngày;

b) Bồi dưỡng làm nhiệm vụ:

- Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn mức chi 80.000 đồng/người/ngày;

- Thành viên các tiểu ban chuyên môn mức chi 60.000 đồng/người/ngày;

- Giám sát, trọng tài chính mức chi 60.000 đồng/người/buổi;
- Thư ký, trọng tài khác mức chi 50.000 đồng/người/buổi;
- Công an, y tế mức chi 45.000 đồng/ người/buổi;
- Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ mức chi 45.000 đồng/người/buổi.

2. Các giải thể thao cấp huyện áp dụng 70% mức chi cấp tỉnh.

3. Tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với đại hội thể dục, thể thao cấp tỉnh:

a) Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn mức chi theo hợp đồng thực tế căn cứ theo khung quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/06/2002 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút và Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 01/07/2003 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

b) Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành xếp hình

- Người tập:

+ Tập luyện mức chi 30.000 đồng/người/buổi;

+ Tổng duyệt (tối đa 2 buổi) mức chi 40.000 đồng/người/buổi;

+ Biểu diễn chính thức mức chi 70.000 đồng/người/buổi;

- Giáo viên, quản lý, hướng dẫn 60.000 đồng/người/buổi.

Điều 2. Quy định chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao

1. Chế độ tiền công:

Trả công bằng tiền theo ngày cho các huấn luyện viên, vận động viên thể thao là người Việt Nam trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu, cụ thể như sau:

a) Đối với huấn luyện viên:

- Đội tuyển tỉnh mức chi 120.000 đồng/người/ngày;

- Đội tuyển trẻ tỉnh mức chi 90.000 đồng/người/ngày;

- Đội tuyển năng khiếu tỉnh mức chi 90.000 đồng/người/ngày.

b) Đối với vận động viên:

- Đội tuyển tỉnh mức chi 80.000 đồng/người/ngày;

- Đội tuyển trẻ tỉnh mức chi 40.000 đồng/người/ngày;

- Đội tuyển năng khiếu tỉnh mức chi 30.000 đồng/người/ngày.

2. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bồi thường tai nạn lao động thực hiện tại điều 2 Quyết định 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu.

Điều 3. Quy định tiền thưởng tại các giải thể thao quốc gia

1. Vận động viên đạt thành tích cao trong đại hội thể dục, thể thao toàn quốc (4 năm tổ chức 1 lần), được thưởng:

- Huy chương vàng: 10.000.000 đồng;
- Huy chương bạc : 6.000.000 đồng;
- Huy chương đồng: 4.000.000 đồng.

2. Vận động viên đạt thành tích cao tại Hội khỏe Phù Đổng (4 năm tổ chức 1 lần cho đối tượng học sinh), được thưởng:

- Huy chương vàng: 4.000.000 đồng;
- Huy chương bạc : 2.500.000 đồng;
- Huy chương đồng: 1.500.000 đồng.

3. Vận động viên đạt thành tích cao tại giải vô địch quốc gia, được thưởng:

- Huy chương vàng: 5.000.000 đồng;
- Huy chương bạc : 3.000.000 đồng;
- Huy chương đồng: 2.000.000 đồng.

4. Vận động viên đạt thành tích cao tại đại hội thể dục, thể thao khu vực đồng bằng sông Cửu Long (2 năm tổ chức 1 lần), được thưởng:

- Huy chương vàng: 1.500.000 đồng;
- Huy chương bạc : 1.000.000 đồng;
- Huy chương đồng: 400.000 đồng.

5. Vận động viên đạt thành tích cao tại các giải vô địch trẻ quốc gia, mức thưởng được quy định theo lứa tuổi, cụ thể như sau:

a) Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi, được thưởng:

- Huy chương vàng: 800.000 đồng;
- Huy chương bạc : 500.000 đồng;
- Huy chương đồng: 300.000 đồng.

b) Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi, được thưởng:

- Huy chương vàng: 1.000.000 đồng;
- Huy chương bạc : 700.000 đồng;
- Huy chương đồng: 500.000 đồng.

c) Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, được thưởng:

- Huy chương vàng: 1.500.000 đồng;
- Huy chương bạc : 1.000.000 đồng;
- Huy chương đồng: 600.000 đồng.

d) Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi, được thưởng:

- Huy chương vàng: 2.000.000 đồng;
- Huy chương bạc: 1.500.000 đồng;
- Huy chương đồng: 1.000.000 đồng.

Điều 4. Chế độ thưởng

1. Đối với môn thể thao tập thể, mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng tương ứng.

2. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

3. Đối với thi đấu cá nhân: huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập được thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên.

4. Đối với thi đấu tập thể: huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích được thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

5. Đối với các môn thể thao thi đấu đồng đội: mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

6. Đối với các môn thể thao dành cho người khuyết tật: huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật được hưởng 50% mức thưởng tương ứng.

Điều 5. Các giải thể thao quốc tế khi đạt thành tích, ngoài khoản tiền thưởng của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ thêm để khuyến khích tinh thần vận động viên, huấn luyện viên, nhưng mức chi không quá 50% mức quy định của Trung ương.

Điều 6. Trợ cấp tiêu vật huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian được triệu tập ở đội tuyển quốc gia để tập luyện và thi đấu:

- 1. Đội tuyển quốc gia : 2.500.000 đồng/người/tháng.
- 2. Đội tuyển trẻ quốc gia : 1.500.000 đồng/người/tháng.

Điều 7. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT/BTC- BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao; Quyết định 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 06 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung huấn luyện và thi đấu.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 697/QĐ-UBND-HC ngày 09/07/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

Giao Sở Tài chính tổ chức triển khai và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 9;
- VPCP (I, II);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp)
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT và các PCT /UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Đồng Tháp;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Lưu VP, KTTH-Song.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Hoan